

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 9 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Phương.
- Ông Nguyễn Văn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 145/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm: 1989; địa chỉ: Số 427, ấp AB, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Lữ Văn T, sinh năm: 1990; địa chỉ: Số 732, Số 427, ấp AB, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm V trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm V và anh Lữ Văn T do được người thân mai mối nên tiến tới hôn nhân quen biết và tổ chức đám cưới vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện. Đến năm 2016, mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2016, ngày 01/03/2016. Sau khi đám cưới vợ chồng sống hạnh

phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm và thường xuyên cự cãi, mặc khác do anh T đi làm xa nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Từ năm 2017, vợ chồng đã sống xa nhau đến nay không hàn gắn được nay chị V xác định tình cảm chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh Lữ Văn T.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống chị V và anh T có 01 con chung tên Lữ Văn T1, sinh ngày 26/01/2011, con hiện con đang sống với gia đình anh T, chị V đã rước con về để nuôi nhiều lần nhưng con không chịu về nên nay chị V đồng ý giao con cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con thì chị V không cấp dưỡng nuôi con, có tiền thì chị V sẽ gửi về cho con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Lữ Văn T đã được Toà án giao thông báo thụ lý vụ án nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị V. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ anh T để tham gia phiên hòa giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Cẩm V yêu cầu được ly hôn với anh Lữ Văn T, đồng ý giao con chung cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn anh Lữ Văn T có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Lữ Văn T đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lữ Văn T.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm V và anh Lữ Văn T tổ chức đám cưới vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện nhưng đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2016 vào ngày 01/3/2016 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Chị V trình bày vợ chồng sống chung hạnh phúc được đến năm 2021 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã xa nhau cho đến nay. Từ khi vợ chồng xa nhau đến nay không đoàn tụ được, cuộc sống vợ chồng mạnh ai người đó sống, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình

cảm của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị V. Như vậy, việc vắng mặt của anh T được xem là từ bỏ quyền trình bày của mình và bỏ mặc cuộc hôn nhân này.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị V và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm V đối với anh Lữ Văn T.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm V và anh Lữ Văn T có 01 con chung tên Lữ Văn T1, sinh ngày 26/01/2011. Theo chị V trình bày thì con hiện nay đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị V đã đến rước con về nhà nuôi nhiều lần nhưng con không chịu về sống với chị V. Do đó, chị V đồng ý giao con chung cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng. Còn anh T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc nuôi con chung. Tuy nhiên, xét thấy con chung hiện nay đang do anh T nuôi dưỡng, chị V đồng ý giao con cho anh T nuôi. Do đó, để ổn định cuộc sống cho con chung. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Lữ Văn Tới cho anh T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng,

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, còn anh T không có văn bản trình bày ý kiến của mình về cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị V vẫn khẳng định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung của vợ chồng chị V và anh T trong vụ kiện này.

[2.5] Về nợ chung: Chị V khẳng định vợ chồng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm V phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Lữ Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a,

khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Cẩm V được ly hôn với anh Lữ Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lữ Văn T1, sinh ngày 26/01/2011 cho anh Lữ Văn T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Cẩm V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị V đã nộp theo biên lai số 0003636 ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Cẩm V được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lữ Văn T được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lập Vò;
- Chi cục THADS H.Lập Vò;
- UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; (CNKH 08/2016 ngày 01/3/2016)
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội